

Số: 61/2026/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 17 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức, viên chức và chính sách trọng dụng, thu hút người có tài năng trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 300/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Xét Tờ trình số 689/TTr-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức, viên chức và chính sách trọng dụng, thu hút người có tài năng trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 305/BC-BPC ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức, viên chức và chính sách trọng dụng, thu hút người có tài năng trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức và chính sách trọng dụng, thu hút người có tài năng trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã.
2. Viên chức trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm một phần hoặc toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên.
3. Công chức được cấp có thẩm quyền luân chuyển giữ các chức vụ chủ chốt tại tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
4. Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng dưới 47 tuổi.
5. Chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị tại các doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức và chính sách trọng dụng, thu hút người có tài năng phải tuân thủ chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng đối tượng, thẩm quyền trong việc thực hiện chính sách.
2. Việc thực hiện hỗ trợ đào tạo đại học, sau đại học phải căn cứ vào vị trí việc làm, chuyên ngành, lĩnh vực cần đào tạo và gắn với việc quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của từng cơ quan, đơn vị.
3. Việc thực hiện chính sách trọng dụng, thu hút người có tài năng phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, yêu cầu, nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc và nhu cầu tuyển dụng.
4. Trường hợp đối tượng áp dụng chính sách theo Nghị quyết này đồng thời thuộc đối tượng áp dụng chính sách khác thì chỉ được hưởng một chính sách mức cao nhất.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đào tạo đại học

1. Điều kiện được hỗ trợ đào tạo

Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng chính sách hỗ trợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có thời gian công tác đủ 03 năm trở lên và có 03 năm liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo được cấp thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

b) Được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cử đi đào tạo thuộc các ngành, chuyên ngành khoa học và công nghệ theo chủ trương, kế hoạch hoặc đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất 05 năm.

2. Chế độ hỗ trợ đào tạo

a) Hỗ trợ 100% học phí theo quy định của cơ sở đào tạo hoặc theo hợp đồng do cấp có thẩm quyền ký kết;

b) Trường hợp khoảng cách từ nơi ở đến nơi học tập trên 20km, hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại, tiền thuê chỗ nghỉ trong thời gian đi học tập trung 5.000.000 đồng/học kỳ.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học

1. Điều kiện được hỗ trợ đào tạo sau đại học

Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng chính sách hỗ trợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Được tuyển dụng đủ 03 năm trở lên và có 03 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo được cấp thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

b) Có trong kế hoạch đào tạo hằng năm hoặc kế hoạch giai đoạn được cấp thẩm quyền phê duyệt;

c) Được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi đào tạo sau đại học hệ chính quy tại Đại học Quốc gia và Đại học Vùng theo quy định của Chính phủ; các cơ sở giáo dục đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoặc cơ quan chủ quản) xếp hạng hoặc công nhận là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm ngành tại thời điểm cử đi đào tạo;

Trường hợp được cử đi đào tạo sau đại học theo Thỏa thuận hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các cơ sở đào tạo (học tại các trường đại học ở địa phương khác hoặc học tại Trường Đại học Bạc Liêu) thì phải có ý kiến thống nhất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Không quá 45 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu;

đ) Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;

e) Cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất 05 năm.

2. Chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học

Được hỗ trợ 100% học phí và chi phí bắt buộc theo quy định của cơ sở đào tạo, đồng thời được hỗ trợ chế độ khuyến khích như sau:

- a) Tiến sĩ: 250.000.000 đồng;
- b) Bác sĩ, Dược sĩ chuyên khoa cấp II: 200.000.000 đồng;
- c) Thạc sĩ, Bác sĩ nội trú: 150.000.000 đồng;
- d) Bác sĩ, Dược sĩ chuyên khoa cấp I: 100.000.000 đồng;

đ) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học là nữ hoặc người dân tộc thiểu số thì được hỗ trợ thêm 10% so với mức hỗ trợ của trình độ đào tạo tương ứng. Trường hợp nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo sau đại học có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi thì được hỗ trợ thêm 5%;

e) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học theo Thỏa thuận hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các cơ sở đào tạo và địa điểm học tại Trường Đại học Bạc Liêu được hỗ trợ 100% học phí và chi phí bắt buộc theo quy định của cơ sở đào tạo; hưởng 50% chế độ khuyến khích theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 6. Chính sách trọng dụng người có tài năng

1. Điều kiện áp dụng

Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng chính sách trọng dụng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện tương ứng đối với từng nhóm đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP;

b) Được cấp có thẩm quyền tuyển chọn, áp dụng chính sách đối với người có tài năng theo quy định của pháp luật;

c) Có cam kết bằng văn bản tiếp tục công tác tại các cơ quan, đơn vị ít nhất 05 năm, kể từ ngày được cấp thẩm quyền quyết định hưởng chính sách trọng dụng theo Nghị quyết này.

2. Chế độ hỗ trợ

Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ một lần với mức như sau:

- a) Tiến sĩ: 200.000.000 đồng;
- b) Bác sĩ, Dược sĩ Chuyên khoa cấp II: 170.000.000 đồng;

c) Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú: 150.000.000 đồng;

d) Bác sĩ, Dược sĩ Chuyên khoa cấp I: 100.000.000 đồng.

3. Ngoài chế độ hỗ trợ tại khoản 2 Điều này, đối tượng được hưởng chính sách trọng dụng theo quy định tại Chương III Nghị định số 179/2024/NĐ-CP và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Chính sách thu hút người có tài năng

1. Điều kiện hỗ trợ

Đối tượng quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng chính sách hỗ trợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện tương ứng đối với từng nhóm đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP;

b) Được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; trường hợp chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị tại các doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành không quá 50 tuổi tính từ thời điểm được tuyển dụng, tiếp nhận;

c) Có cam kết bằng văn bản tiếp tục công tác ít nhất là 05 năm, kể từ ngày được cấp thẩm quyền quyết định tuyển dụng, tiếp nhận.

2. Chế độ hỗ trợ

Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ một lần với mức như sau:

a) Giáo sư: 1.200.000.000 đồng;

b) Phó Giáo sư: 1.000.000.000 đồng;

c) Tiến sĩ: 500.000.000 đồng;

d) Bác sĩ, Dược sĩ chuyên khoa cấp II: 370.000.000 đồng;

đ) Thạc sĩ, Bác sĩ nội trú: 250.000.000 đồng;

e) Bác sĩ, Dược sĩ chuyên khoa cấp I: 200.000.000 đồng;

g) Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc: 150.000.000 đồng.

3. Ngoài chế độ hỗ trợ tại khoản 2 Điều này, đối tượng thu hút được hưởng các chính sách theo quy định tại Chương II Nghị định số 179/2024/NĐ-CP và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Trách nhiệm bồi hoàn kinh phí hỗ trợ

1. Người được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo theo Nghị quyết này, nếu không hoàn thành khóa học hoặc không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp khi hết thời gian đào tạo và thời gian bảo lưu kết quả học tập theo quy định của cơ sở đào tạo thì phải bồi hoàn kinh phí đã được hỗ trợ.

2. Người được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo theo Nghị quyết này, nếu không thực hiện đủ thời gian công tác theo cam kết sau khi hoàn thành khóa học thì phải bồi hoàn kinh phí đã được hỗ trợ.

3. Người được hưởng chính sách trọng dụng, thu hút theo Nghị quyết này, nếu không thực hiện đủ thời gian công tác theo cam kết thì phải bồi hoàn kinh phí trọng dụng, thu hút đã được hỗ trợ.

4. Trường hợp đặc biệt, vì lý do khách quan, cấp thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức xem xét, quyết định.

Điều 9. Kinh phí thực hiện

Kinh phí hỗ trợ đào tạo, trọng dụng, thu hút người có tài năng được chi từ nguồn ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

2. Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, khuyến khích đào tạo cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đang được hỗ trợ kinh phí đào tạo theo quy định tại Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND nhưng đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực mà chưa hoàn thành khóa học hoặc chưa nhận bằng tốt nghiệp thì tiếp tục được hỗ trợ kinh phí đào tạo theo Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND.

4. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã tốt nghiệp sau đại học hoặc đang được hỗ trợ kinh phí đào tạo tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND mà chưa nhận bằng tốt nghiệp hoặc chưa hoàn thành khóa học trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND.

5. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; quy định việc thực hiện bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đào tạo, trọng dụng, thu hút theo quy định của pháp luật; rà soát, xác định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, lĩnh vực và chuyên ngành cần thu hút, bảo đảm việc thực hiện chính sách có trọng

tâm, trọng điểm, phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh, hiệu quả và tránh dàn trải.

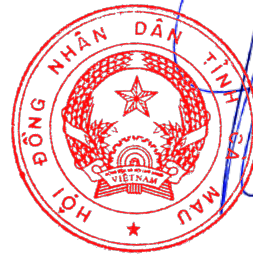
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, kỳ họp thứ 5 (chuyên đề) thông qua ngày 17 tháng 8 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND xã, phường;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thiều